

Số: **36/2018/QĐST-HNGĐ**

Châu Thành, ngày 08 tháng 02 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2018/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018, giữa:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thùy L**, sinh năm 1975.

* Bị đơn: **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1975.

Cùng trú tại: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Đại diện theo pháp luật ông Dương Quyết Th – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Ông Th ủy quyền cho Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng.

Đại diện cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre: bà Đỗ Thị Kim T – Chức vụ Giám đốc.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Nguyễn Thanh S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Nguyễn Thanh S thuận tình ly hôn.

b) Về con chung: ông Nguyễn Thanh S nuôi 02 con là Nguyễn Hoàng Anh K, sinh ngày 07/8/2001; Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 22/12/2009. Phù hợp với nguyện vọng của 02 con được sống với cha. Ghi nhận việc ông S không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm nom, chăm sóc dạy dỗ con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

c) Về tài sản chung: hai bên khai không có nên không xét đến.

d) Về nợ chung: ông S và bà L thừa nhận nợ Ngân hàng chính sách- xã hội Chi nhánh huyện Châu Thành số tiền gốc là 18.000.000đ theo Mã món vay 6600000708751775. Lãi phát sinh đến ngày 19/02/2018 là 1.649.000đ. Ông bà thống nhất trả số nợ trên cho Ngân hàng chính sách- xã hội chi nhánh huyện Châu Thành như sau: ngày 19/02/2018 ông S và bà L mỗi người phải trả 824.500đ (Tám trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm đồng) tiền lãi. Từ tháng 3/2018 ông bà mỗi người trả 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền gốc và lãi phát sinh, trả liên tục mỗi tháng cho đến khi hết nợ .

đ) Án phí HNST: Bà L tự nguyện nộp toàn bộ án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà L và ông S mỗi người phải nộp 245.000đ (hai trăm bốn mươi lăm ngàn đồng). Số tiền án phí của bà L được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013376 ngày 08/01/2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà L còn phải nộp 95.000đ (chín mươi lăm ngàn đồng) án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã B;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trương Thị Tiến